

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thảo

2. Ông Nguyễn Thanh Cần

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:** Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 302/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/11/2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lâm Thị T, sinh năm 1980.

Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: tổ 8, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh T2, sinh năm 1980.

Địa chỉ thường trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: tổ 6, khu phố A, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn trình bày:**

Bà Lâm Thị T và ông Nguyễn Minh T2 tự nguyện kết hôn vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06, ngày 07/02/2014.

Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi không thể giải quyết được. Nguyên nhân do ông T2 không lo làm ăn, chăm sóc gia đình vợ con mà chỉ lo ăn chơi, ông T2 còn có quan hệ với

người phụ nữ khác. Giữa hai vợ chồng ngày càng căng thẳng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Khoảng hơn 01 năm nay thì ông T2 đã bỏ đi nơi khác sinh sống, hai vợ chồng không còn chung sống với nhau. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T2.

Về con chung: Bà T và ông T2 có 01 con chung là Nguyễn Thành D, sinh ngày 03/4/2015. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con. Cháu Danh hiện đang ở chung với bà T tại tổ 8, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Hiện nay bà T có nơi ở ổn định và đang buôn bán tại nhà nên có đủ điều kiện để nuôi con. Ông T2 hiện không có nghề nghiệp ổn định nên không thể đảm bảo việc nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Minh T2 nhưng ông T2 không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lâm Thị T vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Minh T2 vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Lâm Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh T2 và yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Nguyễn Minh T2 đang cư trú tại thị xã T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lâm Thị T vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Minh T2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông T2.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 07/02/2014, bà Lâm Thị T và ông Nguyễn Minh T2 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T2 là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Xét thấy, bà T xác định giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi không thể giải quyết được. Nguyên nhân do ông T2 không lo làm ăn, chăm sóc gia đình vợ con mà chỉ lo ăn chơi, ông T2 còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Giữa hai vợ chồng ngày càng căng thẳng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Khoảng hơn một năm nay thì ông T2 đã bỏ đi nơi khác sinh sống, hai vợ chồng không còn chung sống với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông T2 nhiều lần để tiến hành hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông T2 vẫn cố tình vắng mặt, điều này chứng tỏ ông T2 không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà T và ông T2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Lâm Thị T và ông Nguyễn Minh T2 có 01 con chung là Nguyễn Thành D, sinh ngày 03/4/2015. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, cháu D hiện đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng và có nguyện vọng được sống chung với bà T. Bà T có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con. Ông T2 cũng không có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Do đó, việc bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên là phù hợp.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Lâm Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T2 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Minh T2.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thành D, sinh ngày 03/4/2015 cho bà Lâm Thị T được quyền trực tiếp nuôi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lâm Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0006457 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ                      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thảo      Nguyễn Thanh Cần**

**Phạm Ngọc Trung**